

DALIT VÀ PHONG TRÀO CẢI GIÁO TẠI ẤN ĐỘ THẾ KỶ XIX - XX (Phần cuối)

Tóm tắt: Phần 1 của bài viết, tác giả đã chỉ ra sự phân biệt đối xử khắt khe mà hàng triệu người thuộc tầng lớp “Dalit” đang phải chịu đựng sau gần 70 năm độc lập ở Ấn Độ. Vì vậy, người “Dalit” phải tìm cách thoát khỏi tình trạng trên. Giải pháp được các cộng đồng đẳng cấp thấp lựa chọn là cải giáo nhằm từ bỏ Hindu giáo. Sự lựa chọn này đã hình thành nên “phong trào cải giáo”. Phần cuối bài viết, tác giả trình bày các phong trào cải giáo sang Phật giáo, Kitô giáo và Islam giáo của người “Dalit”, đồng thời chỉ ra những tác động tích cực và tiêu cực đối với tầng lớp Dalit sau khi cải giáo.

Từ khóa: Ấn Độ, cải giáo, Dalit, Hindu giáo, Islam giáo, Kitô giáo, Phật giáo.

4. Các phong trào cải giáo tiêu biểu

4.1. Phong trào cải theo Phật giáo

Theo thống kê dân số năm 2001, số lượng Phật tử tại Ấn Độ khoảng 8 triệu người xấp xỉ 0,8% tổng dân số, tập trung chủ yếu tại bang Maharashtra, Madhya Pradesh, Uttar Pradesh, và Tây Bengal¹.

Sau thời kỳ phát triển rực rỡ dưới triều đại vua Ashoka vào khoảng thế kỷ III TCN thì tới khoảng thế kỷ VII, Phật giáo bắt đầu có sự phân hóa mạnh mẽ trong nội bộ, đồng thời chịu tác động sự phát triển trở lại của Hindu giáo (bằng cách tiếp nhận thêm các tư tưởng và hình tượng Phật giáo) cũng như sự mở rộng của Islam giáo, bởi vậy tới thế kỷ XIV, Phật giáo thực sự suy yếu tại Ấn Độ.

Sang thế kỷ XIX, với nhiều nỗ lực, phong trào phục hưng Phật giáo bắt đầu phát triển. Phong trào này được khởi xướng bởi Acharya Dharmanand Kosambi (1876 - 1947), sau đó lan rộng ra nhiều vùng tại

* Phó giáo sư, Tiến sĩ. Khoa Đông Phương học, Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Hà Nội.

Ấn Độ. Kosambi là một học giả đồng thời cũng là một Phật tử với nhiều đóng góp quan trọng. Năm 1891, ông thành lập Maha Bodhi Society² có các nhánh ở Sarnath, Bodh Gaya, Calcutta, Madras và Sanchi. Bên cạnh đó, Dharmapala cùng với nhiều học giả, như Maha Pandit Rahula Sankrityayana, Bhadant Anand Kausalayayan, Dharmarakshita và Jagdish Kasyap, cùng dịch và truyền bá kinh sách Phật giáo vốn đã bị thất truyền tại Ấn Độ nhiều thế kỷ, khởi đầu cho công cuộc phục hưng Phật giáo thế kỷ XIX.

Tuy nhiên, người có đóng góp nhiều nhất cho việc phát triển Phật giáo tại Ấn Độ vào thế kỷ XX chính là vị lãnh tụ của phong trào Dalit, B. R. Ambedkar. Mặc dù sinh ra trong một gia đình Hindu giáo nhưng ngay từ khi còn trẻ Ambedkar đã có nhiều gắn kết với Phật giáo. Năm 1908, một trong những thầy giáo của ông là K. A. Keluskar ấn tượng với thành tích và khả năng của Ambedkar trong kỳ thi tuyển vào Đại học đã tặng Ambedkar cuốn sách về tiểu sử Đức Phật do chính Keluskar xuất bản 10 năm trước. Cuốn sách này mang lại những ảnh hưởng cơ bản nhất trong tư tưởng của Ambedkar về Phật giáo. Năm 1934, ông xây dựng ở Dadar (Bombay) một ngôi nhà đặt tên là Rajgriha theo tên kinh đô Phật giáo cổ ở Bihar. Mặc dù trong suốt giai đoạn xác lập tư tưởng về con đường cải giáo, Ambedkar không hề khẳng định mình lựa chọn tôn giáo nào nhưng sự quan tâm của ông hướng tới Phật giáo bắt đầu tăng lên từ giữa những năm 1940 khi ông đặt tên trường đại học đầu tiên do ông sáng lập là Siddharth (tên khai sinh của Đức Phật). Năm 1948, ông tái bản cuốn *The Essence of Buddhism* của Lakshman Narasu, mà lời tựa nhấn mạnh vào cuộc đấu tranh chống chế độ đẳng cấp và bộ máy cai trị Anh. Cùng năm đó, ông cũng xuất bản cuốn *The Untouchables* trong đó đề cập tới Untouchables là con cháu của Phật giáo - những người đã bị đẩy ra khi phần còn lại của xã hội chuyển sang Hindu giáo. Ambedkar cũng đóng góp công để đưa ngày Phật đản (Buddha Jayanti) trở thành ngày lễ chính thức. Năm 1950, ông tới thăm Sri Lanka theo lời mời của Hiệp hội Phật tử Trẻ tại Colombo, phát biểu trong phiên họp của Hội Phật giáo Thế giới ở Kandy và kêu gọi Untouchables sinh sống tại đây cải sang Phật giáo. Năm 1951, Ambedkar bắt đầu sưu tập những bài giảng của Đức Phật gọi là *Buddha Upasana Patha*. Năm 1954, ông tới thăm Myanmar hai lần, trong đó lần thứ hai để tham dự hội nghị lần thứ 3 của Hội Phật giáo Thế giới tại Rangoon. Năm 1955, Ambedkar thành lập tổ chức Bharatiya Bauddha Mahasabha (Xã hội Phật tử Ấn Độ) và cho dựng tượng Đức Phật trong một ngôi chùa tại

Dehu gần Poona. Phát biểu trước hàng ngàn Dalit tham dự sự kiện này, ông tuyên bố rằng, sẽ cống hiến bản thân cho việc truyền bá Phật giáo tại Ấn Độ và đang biên soạn một cuốn sách mang tên *The Buddha and His Dhamma*³ để giải thích giáo lý Phật giáo bằng ngôn ngữ đơn giản với mong muốn tất cả những người dân bình thường đều có thể hiểu được. Và ngày 14/10/1956, Ambedkar cùng 380 ngàn người ủng hộ tiến hành nghi lễ Diksha (nhập môn) tại Nagpur quy y cửa Phật.

Ambedkar phát biểu về sự kiện này như sau: “Bằng cách từ bỏ tôn giáo nguồn gốc của mình - tôn giáo đại diện cho sự bất bình đẳng và áp bức, hôm nay tôi lại được tái sinh. Tôi không có niềm tin vào triết lý về sự hóa thân và thật sai lầm khi nói rằng Đức Phật là một hiện thân của Vishnu. Bản thân tôi không còn là tín đồ của bất cứ một vị thần Hindu giáo nào nữa. Tôi sẽ không tiến hành Shraddha (nghi lễ tang của Hindu giáo). Tôi sẽ đi theo con đường Bát chính đạo của Đức Phật. Phật giáo là một tôn giáo thật sự và tôi sẽ để cuộc sống của bản thân mình được dẫn dắt bởi ba nguyên tắc về tri thức, con đường đúng đắn và lòng từ bi”⁴.

Sang ngày 15/10/1956, Ambedkar tiếp tục tổ chức lễ cải giáo lần hai cho khoảng 100 ngàn Dalit tại Diksha Bhumi, nâng tổng số người cải giáo lên gần nửa triệu người trong vòng hai ngày. Sau sự kiện này, ông tiếp tục tới Kathmandu, Nepal tham dự hội nghị lần thứ 4 Hội Phật giáo Thế giới và có bài phát biểu *The Buddha and Karl Marx*. Trên đường trở lại Delhi, ông tới thăm thành phố cổ Benares và Kusinara - nơi Đức Phật nhập diệt. Tại Delhi, Ambedkar tham gia vài công việc Phật giáo, hoàn thành chương cuối của cuốn sách *The Buddha and Karl Marx*, phần tựa đề của *The Buddha and His Dhamma* và qua đời vào sáng ngày 6/12/1956. Tang lễ được tổ chức tại Bombay, nơi ông khởi đầu sự nghiệp và có số người ủng hộ lớn nhất. Hơn 500 ngàn người tham dự tang lễ kéo dài 4 giờ tước khi thi thể được hỏa táng. Ngay sau đó, hơn 100 ngàn người thực hiện mong muốn của vị lãnh tụ bằng cách tiến hành nghi lễ cải sang Phật giáo tại đàn hỏa thiêu. Từ Bombay, một phần tro cốt của Ambedkar được mang tới Delhi nơi mà một tuần sau đó, một lễ cải giáo được tổ chức với 30 ngàn người quy y Phật giáo. Phần tro cốt này tiếp tục được chuyển tới Agra với một lễ cải giáo tương tự cho khoảng 200 ngàn tín đồ. Thực tế, từ ngày 7/12/1956 tới ngày 10/02/1957, các lễ cải giáo quy mô lớn như vậy được tổ chức không chỉ tại Bombay, Delhi, Agra mà còn ở hơn 20 thành phố và thị trấn khác (phần lớn ở gần đường ranh giới hành chính bang Maharashtra ngày nay) với kết quả là số lượng Phật tử là

người Dalit tăng từ 750 ngàn (số người được chính Ambedkar cải giáo tại Nagpur và Chanda) lên tới 4 triệu người. Hầu hết nghi lễ cải đạo được tổ chức bởi các nhánh của tổ chức Xã hội Phật tử Ấn Độ⁵.

Tuy nhiên, sau giai đoạn này, phong trào cải giáo bắt đầu chững lại. Ngoài trừ lễ cải giáo tổ chức tại Aligarh vào ngày 13/4/1957 cho 200 ngàn người thì việc cải giáo chỉ diễn ra trên diện nhỏ. Điều này có thể do sau hai tháng bùng nổ mạnh mẽ, phong trào đã mất dần động lực ban đầu. Mặc dù Ambedkar vẫn là người được cộng đồng Dalit kính trọng nhất nhưng sức ảnh hưởng chỉ lớn nhất trong chính cộng đồng Mahar của ông. Theo thống kê chính thức năm 1961, tín đồ Phật giáo tại bang Maharashtra tăng từ 2.489 năm 1951 lên 2.789.501 năm 1961⁶. Trên thực tế, cộng đồng Mahar của bang Maharashtra cũng là những người hưởng ứng lời kêu gọi của ông mạnh mẽ nhất. Bởi vậy khi phần lớn cộng đồng này đã cải sang Phật giáo thì phong trào bắt đầu chậm lại, thêm nữa, Ambedkar không còn sống để có thể tiếp tục thuyết phục người Dalit đi theo con đường mà ông lựa chọn. Con số thống kê này cũng có thể chưa thực sự phản ánh hết sự chính xác bởi vì rất nhiều người Dalit tham gia vào các lễ cải giáo, theo nguyên lý, tư tưởng Phật giáo nhưng trên thực tế lại không thừa nhận mình là Phật tử bởi lo sợ trở thành nạn nhân của bạo lực chống lại những người cải sang đạo khác từ cộng đồng Hindu giáo hoặc không muốn từ bỏ các ưu đãi, trợ cấp cần thiết mà họ có thể nhận được khi vẫn thuộc SCs/STs.

Tuy chỉ chính thức là Phật tử khoảng 7 tuần nhưng những đóng góp của Ambedkar cho công cuộc phục hưng Phật giáo tại Ấn Độ là vô cùng to lớn. Lễ cải giáo của ông đánh dấu một mốc quan trọng trong lịch sử phát triển phong trào cải giáo của Dalit từ đạo Hindu giáo không chỉ sang Phật giáo mà còn mở đường sang các tôn giáo khác như Kitô giáo, Islam giáo, Sikh giáo... với những câu hỏi đặt ra cho chính những người thuộc đẳng cấp thấp nếu tiếp tục trung thành với niềm tin Hindu giáo: "Hindu giáo liệu có công nhận họ với tư cách là con người? Hindu giáo có đứng lên vì quyền bình đẳng của họ hay không? Nó có giúp thúc đẩy tình anh em giữa người Dalit và người Hindu giáo? Liệu Hindu giáo có răn dạy được rằng, người Hindu và người cùng đẳng có chung nguồn gốc? Rằng, việc đối xử với Untouchables không bằng con người, thậm chí không bằng cả súc vật, là tội lỗi hay không? Hindu giáo có thuyết giảng cho người Hindu hãy công bằng và bác ái? Và liệu Hindu giáo có phổ biến giá trị cuộc sống mà không có bất cứ khoảng cách nào?"⁷.

Theo thống kê năm 1991, có khoảng 6,5 triệu Phật tử tại Ấn Độ, trong đó hơn 90% được gọi là Tân Phật giáo (Neo-Buddhist hay Dalit Buddhist là những người Dalit cải theo tư tưởng của Ambedkar). Ngày nay, phong trào cải sang Phật giáo vẫn diễn ra hằng năm, tuy nhiên quy mô nhỏ hơn và không tạo ra được nhiều ảnh hưởng như giai đoạn giữa thế kỷ XX.

4.2. Phong trào cải theo Kitô giáo

Kitô giáo là tôn giáo lớn thứ ba tại Ấn Độ với xấp xỉ 24 triệu tín đồ, chiếm khoảng 2,3% tổng dân số, gần 70% trong số đó là Dalit cải sang, tập trung nhiều ở các bang miền Nam, Đông Bắc và bờ biển Konkan. Cộng đồng Kitô giáo có tỷ lệ biết chữ, nghề nghiệp cao nhất trong các cộng đồng tôn giáo tại Ấn Độ⁸.

Khoảng năm 52, Thánh Thomas - một trong 12 vị tông đồ của chúa Jesus đã tới Muziris⁹ tại bang Kerala ngày nay để truyền bá Phúc Âm cho cộng đồng định cư người Do Thái. Mặc dù xuất hiện sớm tại Ấn Độ nhưng số lượng người Kitô giáo vẫn chiếm tỷ lệ nhỏ, tập trung ở một vài vùng nhất định. Tới khoảng thế kỷ XVI với sự xuất hiện của người Bồ Đào Nha, đặc biệt là thông qua nỗ lực của các tu sỹ Dòng Tên, như Francis Xavier và Robert de Nobili, Kitô giáo bắt đầu được mở rộng tuy vẫn chỉ ở khu vực có sự ảnh hưởng của người Bồ Đào Nha và giới hạn trong các đẳng cấp cao. Vào khoảng nửa sau thế kỷ XIX, số lượng người theo Tin Lành/Anh giáo tại Ấn Độ đã tăng từ khoảng 1 triệu người năm 1860 lên gần 5 triệu người năm 1930, chủ yếu sống tại khu vực nông thôn, bao gồm cả việc cải giáo của hơn 1 triệu Dalit vào năm 1914¹⁰. Lý do giải thích cho sự thành công này chính là những thay đổi quan trọng trong chiến lược của các đoàn truyền giáo cũng như sự ủng hộ từ phía chính quyền Anh tại Ấn Độ.

Các đoàn truyền giáo Công giáo tới Ấn Độ trên những chuyến tàu buôn Bồ Đào Nha vào cuối thế kỷ XV đầu thế kỷ XVI với chiến lược truyền bá xuyên suốt là tập trung cải giáo cho những người Brahmin trước và tin rằng người thuộc các đẳng cấp khác sẽ làm theo Brahmin. Tuy nhiên trong giai đoạn này, Công giáo vẫn không phổ biến trong quần chúng bởi thói quen ăn uống (ăn thịt, uống rượu) cũng như mối quan hệ của họ với các thương buôn người Bồ Đào Nha. Bên cạnh đó, tư tưởng của Công giáo chủ trương bình đẳng, chống lại chế độ đẳng cấp, nên tác động tới quyền lợi mà đẳng cấp cao đang được hưởng, bởi vậy không được đón nhận. Tới giữa thế kỷ XIX, chiến lược truyền giáo bắt đầu thay đổi nhanh chóng khi các nhánh Tin Lành như Anglican và Baptist chuyển

hướng tập trung sang những người thuộc đẳng cấp thấp trong xã hội. Ví dụ, việc truyền bá thành công của John Clough trong cộng đồng nói tiếng Telugu tại bang Andhra Pradesh. Với nỗ lực cải giáo cho cư dân tại vùng này, sau nhiều thất bại, John Clough nhận được thư của một người Dalit năm 1866 tên là Yerraguntla Periah với yêu cầu được làm lễ rửa tội. Sau đó, Periah trở về nhà, bắt đầu truyền bá thông điệp của Kitô giáo từ làng này sang làng khác và thu hút được hàng ngàn người cải giáo theo. Năm 1870, 1.103 người được làm lễ rửa tội, sáu năm sau đó, con số tăng lên là 3.000 người. Sự kiện này có ý nghĩa quan trọng, minh họa cho triển vọng thay đổi của Kitô giáo tại Ấn Độ giữa thế kỷ XIX¹¹.

Cùng với sự chuyển hướng từ đẳng cấp cao sang đẳng cấp thấp, nhiều đoàn truyền giáo cũng bắt đầu tập trung vào việc đào tạo và giáo dục cho những người cải giáo thông qua việc dịch Kinh Thánh để bất cứ Dalit nào cũng có thể đọc được. Có lẽ vì vậy mà cộng đồng Kitô giáo nhìn chung có tỷ lệ biết chữ cao nhất. Bên cạnh đó, để chứng minh việc biến niềm tin thành thực tế thì các đoàn truyền giáo cũng mở nhiều trường học, bệnh viện cho người nghèo và cung cấp công việc hỗ trợ trong suốt giai đoạn xảy ra nạn đói và dịch bệnh thông qua quỹ tài trợ của các nhà từ thiện Kitô giáo tại Anh.

Điểm đặc biệt là những người góp công lớn trong việc truyền bá Kitô giáo tại Ấn Độ không phải là các nhà truyền giáo Châu Âu hay Châu Mỹ mà chính là do các giáo sĩ Dalit - những người tiên phong được giác ngộ và nhận sự đào tạo trực tiếp từ các giáo sĩ Phương Tây, rồi truyền bá niềm tin về Chúa trong các cộng đồng Dalit từ làng này sang làng khác như ví dụ về Periah nêu trên.

Mặc dù phong trào cải giáo của Dalit sang Kitô giáo vấp phải nhiều khó khăn trong giai đoạn cuối thế kỷ XX, tuy nhiên đến nay, hằng năm vẫn diễn ra các đợt cải giáo tập thể của Dalit với nhiều tổ chức của Dalit ra đời như Phong trào Giải phóng Dalit Christian (Dalit Christian Liberation Movement), Liên minh Christian toàn Ấn (All India Christian Federation (AICF).

4.3. Phong trào cải theo Islam giáo

Islam giáo là tôn giáo lớn thứ hai tại Ấn Độ chỉ sau Hindu giáo với số lượng tín đồ theo thống kê dân số năm 2001 khoảng hơn 160 triệu người (xấp xỉ 13,4% tổng dân số), trong đó khoảng hơn 80% là Dalit sống tập trung ở các bang như Uttar Pradesh (30.7 triệu, chiếm 38.5%), Tây Bengal (20.2 triệu, chiếm 25%), và Bihar (13.7 triệu, chiếm 16.5%).

Cộng đồng Muslim ở Ấn Độ lớn thứ ba trên thế giới với tỷ lệ sinh cao hơn so với các cộng đồng tôn giáo khác¹².

Islam giáo tới Ấn Độ vào khoảng thế kỷ VII thông qua các thương nhân Arab tại khu vực bờ biển Malabar (vùng ở phía Nam Ấn, nằm giữa Tây Ghat và biển Arab) và sự đánh chiếm của binh lính Arab dưới sự lãnh đạo của Muhammad bin Qasim vào tỉnh Sindh (Pakistan ngày nay) vào khoảng thế kỷ VIII. Thánh đường đầu tiên Cheraman Juma Masjid được xây dựng tại Kodungallur Taluk, bang Kerala ngày nay vào khoảng năm 629. Tại Malabar, nơi mà những cư dân bản địa có mối quan hệ buôn bán gần gũi với các thương nhân Arab trong thời gian dài dẫn tới sự ảnh hưởng về văn hóa và tư tưởng. Mappilas được coi là cộng đồng đầu tiên cải sang Islam giáo.

Islam giáo bắt đầu lan rộng tại miền Bắc Ấn Độ vào khoảng thế kỷ XII với sự xuất hiện của Vương triều Delhi (1206 - 1526), sau đó là đế chế Mughal. Trong suốt giai đoạn này, Islam giáo nhận được sự ủng hộ và hỗ trợ từ phía triều đình đã được truyền bá rộng rãi và hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng của các cư dân Ấn Độ. Trong đó, Sufi (phái thần bí Islam giáo) giữ vai trò quan trọng trong việc lan tỏa Islam giáo tại Ấn Độ. Các nhà tư tưởng của Sufi sáng lập ra nhiều trường phái khác nhau, xây dựng các bệnh viện từ thiện, dịch Kinh sách Islam giáo, truyền tải thông điệp về tình yêu thương, sự hòa hợp, là cầu nối giữa tinh thần và quần chúng. Chính bởi vậy có tác động lớn tới nhiều tầng lớp xã hội, đặc biệt là tầng cấp thấp và mang lại các lễ cải giáo quy mô lớn. Trong nhiều thế kỷ, việc cải sang Islam giáo dường như trở thành lựa chọn đặc biệt hấp dẫn đối với nhiều Dalit.

Bước sang giai đoạn thế kỷ XVIII - XIX, khi quyền lực kiểm soát Ấn Độ chuyển sang người Anh cùng sự xuất hiện ồ ạt của các đoàn truyền giáo Phương Tây và sự phục hưng mạnh mẽ của Hindu giáo, sau đó là Phật giáo, vai trò ảnh hưởng của Islam giáo không còn như trong giai đoạn đế chế Mughal. Đặc biệt là sự kiện phân chia Ấn Độ năm 1947, đi kèm với đó là bạo lực và căng thẳng leo thang giữa các nhóm Hindu và Muslim đã dẫn tới sự suy giảm cả về số lượng, vị trí của Islam giáo và người Muslim tại lãnh thổ Ấn Độ trở thành một nhóm cộng đồng thiểu số ít quyền lực. Thêm vào đó, sự hoạt động mạnh mẽ của các nhóm Hindu giáo cực đoan chống lại người Muslim khiến cho việc cải sang Islam giáo của Dalit không còn là sự lựa chọn khả thi. Bởi vậy, giai đoạn sau năm 1947 tại Ấn Độ chứng kiến sự suy giảm đáng kể số lượng Dalit cải sang Islam giáo.

Mặc dù những trường hợp nhỏ lẻ cải sang Islam của Dalit vẫn thỉnh thoảng được ghi nhận nhưng không tạo thành phong trào quy mô lớn như Phật giáo. Tới khoảng tháng 2/1981, một nhóm Dalit tại ngôi làng Meenakshipuram ở phía Nam Ấn, bang Tamil Nadu (hầu hết là những người trí thức) đã quyết định theo Islam giáo như một sự phản kháng chống lại sự áp bức mà họ phải chịu đựng từ những người đẳng cấp cao thống trị trong làng. Sau đó, hàng trăm gia đình Dalit tại các làng và thị trấn lân cận của bang Tamil Nadu và thậm chí cả các bang khác (Miền Bắc Ấn) cải sang Islam giáo. Meenakshipuram không chỉ còn là một ngôi làng nhỏ hẻo lánh mà đã trở thành một ẩn dụ mạnh mẽ cho sự phản kháng của Dalit. Phong trào cải giáo suy giảm sau độc lập thì tới giai đoạn này một lần nữa lại bùng lên và trở thành lựa chọn đáng cân nhắc của các đẳng cấp thấp.

Nhắc tới phong trào cải theo Islam giáo không thể không nhắc tới Rashid Salim Adil, một nhà hoạt động xã hội, đồng thời cũng là một Dalit cải giáo có ảnh hưởng trong cộng đồng Dalit Muslim. Rashid Salim Adil tên khai sinh là Ram Singh Vidyarthi, sinh năm 1945 trong một gia đình làm nghề thuộc da, thuộc đẳng cấp Chamar (cũng là đẳng cấp thấp) phía tây Uttar Pradesh. Tuy nhiên, giai đoạn sau năm 1947, sự gia tăng nhu cầu về sản phẩm da khiến cho đời sống kinh tế của cộng đồng này khá phát triển, dẫn tới gia tăng số lượng Chamar tiếp cận với giáo dục hiện đại và làm thay đổi tư tưởng. Sự bất mãn với vị trí thấp kém và bị phân biệt đối xử ngày càng gia tăng được thể hiện thông qua số lượng Chamar tham gia chính trị. Cuối những năm 1950, hưởng ứng lời kêu gọi của Ambedkar, hàng ngàn Chamar cải sang Phật giáo. Gia đình Vidyarthi là một gia đình nghèo và phần lớn mù chữ. Giống như hầu hết những đứa trẻ Chamar khác cùng thời, Vidyarthi không thể tiếp tục đi học nên ông tới Delhi để tìm việc, sau đó gia nhập Arya Samaj. Trong khoảng thời gian này, ông đọc hầu hết các tác phẩm của Ambedkar, chịu ảnh hưởng tư tưởng tự do nên quyết định cải giáo theo Phật giáo vào năm 1970. Vidyarthi tiếp tục vừa làm vừa học, có bằng tiến sĩ ngành nghiên cứu Phật giáo và cử nhân Luật trường Đại học Delhi, sau đó làm luật sư tại Cơ quan Phát triển Delhi. Vidyarthi có nhiều đóng góp quan trọng trong việc phát triển phong trào Phật giáo của Dalit tại Delhi. Tuy nhiên sau đó, Cơ quan Phát triển Delhi ban lệnh phá bỏ ngôi chùa Phật giáo được xây dựng không có giấy phép tại khu ổ chuột Yamuna Vihar (do Vidyarthi đứng ra xây dựng) nhưng lại bỏ qua cho một ngôi đền Hindu giáo (cũng không có giấy phép) gần đó. Việc này khiến

Vidyarthi nhận ra rằng, mặc dù đã cải theo Phật giáo nhưng những người Dalit trong vùng vẫn bất lực trước sự áp bức của đẳng cấp cao Hindu giáo và mặc dù Ambedkar đã từng cam kết rằng, nếu Dalit cải theo Phật giáo sẽ có quyền lực và khả năng để chống lại sự áp bức của Hindu giáo. Sau sự kiện này, Vidyarthi cân nhắc lại con đường Phật giáo mà Ambedkar theo đuổi và bắt đầu chuyển sang tìm hiểu về Islam giáo. Vào dịp tưởng niệm 25 năm ngày qua đời của Ambedkar (6/12/1981), Vidyarthi và gia đình cải theo Islam giáo tại thánh đường Jamia Masjid và đổi tên thành Rashid Salim Adil. Sau khi cải giáo, Adil tiếp tục làm việc tại Cơ quan Phát triển Delhi và dành nhiều thời gian hoạt động trong đoàn truyền bá Islam giáo cho Dalit thông qua các bài viết và thuyết giảng bằng cách thành lập một công ty xuất bản (Aman Publications) để phát hành các ấn bản bằng tiếng Urdu và Hindi nhằm phổ biến Islam giáo trong cộng đồng Dalit và nhắc nhở các Muslim về nghĩa vụ truyền bá Islam giáo của họ. Công ty cũng xuất bản nhiều bài phát biểu của Ambedkar và Periyar Ramaswami Naicher - nhà tư tưởng của phong trào Dravidian, về những áp bức của Dalit dưới bàn tay của Brahmin và ủng hộ cải giáo như một phương tiện của sự giải phóng. Adil cũng thành lập tổ chức Xã hội Muslim toàn Ấn (All India Muslim Society (AIMS)) - một tổ chức truyền bá Islam giáo trong cộng đồng Dalit. Bên cạnh đó, để đưa Dalit và Muslim cũng như cộng đồng đẳng cấp thấp khác tới gần hơn diễn đàn chính trị, ông thành lập Đảng Sab Jan (All-Peoples) năm 1995 với mục tiêu thúc đẩy sự hài hòa giữa các cộng đồng khác nhau tại Ấn Độ, tạo nên một xã hội bình đẳng cho phụ nữ, Dalit, Muslim, Christian, Adivasis và nhóm đẳng cấp thấp khác¹³. Ngày nay, mặc dù chiếm tỷ lệ nhỏ so với Hindu giáo nhưng cộng đồng Muslim cũng có được vị trí quan trọng trên chính trường Ấn Độ và phong trào cải giáo sang Islam giáo vẫn tiếp tục được ghi nhận hàng năm.

Bên cạnh Phật giáo, Kitô giáo và Islam giáo thì Sikh giáo, Jain giáo, Hỏa giáo,... cũng là một trong những lựa chọn mà Dalit nhắm tới. Tuy nhiên, phong trào cải giáo theo các tôn giáo này không diễn ra trên quy mô lớn và tạo ra nhiều ảnh hưởng mạnh mẽ trong quần chúng như phong trào Phật giáo, Kitô giáo và Islam giáo đã làm được.

Việc Ambedkar xác định rõ tác động của đẳng cấp và việc thực hành Untouchability trong chính tư tưởng của Hindu giáo là điểm then chốt trong nỗ lực thay đổi nhận thức của một bộ phận quần chúng Ấn Độ. “Đẳng cấp có ảnh hưởng tồi tệ tới nguyên tắc đạo đức của những người

Hindu giáo. Đẳng cấp giết chết tinh thần cộng đồng. Đẳng cấp đã phá hủy tính thiện của con người. Cộng đồng của một người Hindu giáo chính là đẳng cấp của họ. Trách nhiệm chính là đối với đẳng cấp và lòng trung thành cũng bị hạn chế chỉ trong đẳng cấp của họ. Đạo đức bị chi phối bởi đẳng cấp và đức hạnh bị giới hạn cũng bởi đẳng cấp. Không có sự đồng cảm, sự trân trọng đối với những người đáng được nhận. Không có lòng thiện đối với người nghèo khó. Những lời than không có lời đáp. Nếu có lòng nhân hậu thì nó bắt đầu với đẳng cấp và kết thúc cũng trong đẳng cấp. Nếu có sự cảm thông thì nó cũng không dành cho những người thuộc đẳng cấp khác¹⁴". Bởi vậy sau khi thử nghiệm trên nhiều lĩnh vực, vị lãnh tụ của phong trào Dalit đã đưa ra một lựa chọn mới cho tất cả những người thuộc đẳng cấp thấp mà chính bản thân ông cũng đi theo. Bất cứ tôn giáo nào chống lại chế độ đẳng cấp, mang tới cho Dalit sự tôn trọng đều có thể lựa chọn. Nhưng liệu tinh thần bình đẳng, hòa hợp, nhân ái mà các tôn giáo khác đưa ra có thực sự tồn tại? Và con đường cải giáo mang lại cho Dalit những thay đổi gì? Phần tiếp theo của bài nghiên cứu sẽ tập trung phân tích hiện trạng của Dalit sau khi chuyển sang tôn giáo khác để trả lời cho hai câu hỏi trên.

5. Dalit sau cải giáo

Với việc lựa chọn con đường cải giáo, cuộc sống của cộng đồng Dalit sau cải giáo đã có nhiều thay đổi. Cải giáo đối với Dalit không chỉ còn là sự chuyển hướng trong niềm tin mà còn đóng vai trò như một biện pháp tìm kiếm sự bình đẳng. Tuy nhiên, sau khi cải giáo, Dalit lại phải đối mặt với sự phân biệt đối xử gấp 2 lần khi tiếp tục bị đối xử như Untouchable trong chính cộng đồng tôn giáo họ cải theo và trong xã hội. Những tư tưởng nhân văn vẫn luôn được rao giảng từ chính giáo lý của các tôn giáo lại được áp dụng một cách khác biệt trong thực tế. Con đường công bình mà Dalit tìm kiếm vẫn chứng tỏ chưa thể mang lại những gì họ mong đợi sau khi cải giáo.

5.1. Những tác động tích cực

Mục đích của Dalit khi cải sang tôn giáo khác, trước hết, là để tránh sự phân biệt đối xử cũng như sự áp bức mà họ phải chịu đựng khi họ thuộc đẳng cấp thấp. Các tôn giáo như Phật giáo, Islam giáo, Kitô giáo, Sikh giáo,... đều rao giảng về một xã hội không đẳng cấp, bình đẳng, nhân ái giữa mọi người. Dalit tin tưởng điều đó như một con đường giải phóng. Tuy nhiên, bên cạnh lợi ích về tinh thần, việc cải sang tôn giáo khác cũng mang lại cho Dalit nhiều lợi ích vật chất khác.

Trước hết, về mặt luật pháp, Hiến pháp 1950 xác định những nhóm cộng đồng đẳng cấp thấp và bộ tộc gọi là SCs, STs đều nhận được sự bảo vệ và ưu đãi theo quy định của luật pháp (ví dụ, Đạo luật Ngăn chặn Bạo lực với SCs, STs năm 1989). Ban đầu, Hiến pháp 1950 chỉ áp dụng cho Dalit thuộc Hindu giáo, nhưng sau đó đã được mở rộng cho các Dalit đã cải sang Sikh giáo (năm 1956) và Phật giáo (năm 1990). Bên cạnh đó, còn có các đạo luật ưu tiên dành riêng cho các tôn giáo khác (không chỉ Hindu giáo) như quyền áp dụng cho cộng đồng thiểu số (dựa trên tôn giáo hoặc ngôn ngữ).

Về mặt xã hội và kinh tế, sau khi cải giáo (về mặt lý thuyết), Dalit sẽ được hưởng những ưu đãi dành cho các tín đồ trong từng tôn giáo. Ví dụ, trong Kitô giáo, Dalit cũng được nhận những trợ cấp về kinh tế, việc làm,... từ các quỹ hỗ trợ của các đoàn truyền giáo trong nước, hoặc từ các tổ chức Công giáo nước ngoài, như CARE, Christian Solidarity Worldwide, Konrad Adenauer Foundation,... Bên cạnh đó, học sinh, sinh viên Dalit Kitô giáo còn được học tại các trường do Giáo hội mở (với điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật thậm chí còn đầy đủ và hiện đại hơn so với các trường công lập) cũng như có cơ hội nhận học bổng, các chương trình trao đổi sinh viên, du học,... hoặc Dalit Phật giáo được tiếp cận rộng rãi tới giáo dục đặc biệt trong các tăng đoàn. Chính vì vậy, tỷ lệ biết chữ của cộng đồng Dalit Phật giáo theo thống kê năm 2001 là 72,7%, cao hơn so với Dalit Hindu giáo (54,7%), Islam giáo (59,1%) và Sikh giáo (69,4%).

Cùng với các quyền lợi và ưu đãi về luật pháp, kinh tế, giáo dục,... các tôn giáo không phải Hindu giáo cũng cam kết mang lại sự khoan dung về mặt tinh thần, mở ra một thế giới tâm linh mới mà tất cả mọi người đều bình đẳng trước Chúa, điều mà Dalit trên thực tế bị khước từ với tư cách là một người theo Hindu giáo.

5.2. Tác động tiêu cực

5.2.1. Sự bảo hộ của luật pháp

Được ủng hộ rộng rãi, những người theo chủ nghĩa dân tộc Hindu giáo cho rằng, các tôn giáo khác (Phật giáo, Kitô giáo, Islam giáo, Sikh giáo,...) không có hệ thống đẳng cấp, không có bất bình đẳng, cũng có nghĩa là không có Untouchability và khi Dalit chuyển sang các tôn giáo này thì trở thành các tín đồ bình thường nên không thể xếp vào SCs, STs. Chính vì lý do này mà cộng đồng Dalit trong các tôn giáo khác không được hưởng các ưu đãi và quyền lợi như trong Hindu giáo theo Đạo luật

Hiến pháp 1950 (theo đạo luật này, SCs, STs sẽ được nhận vào các cơ quan chính phủ các cấp, khu vực kinh tế cũng như các cơ sở giáo dục nhà nước theo hạn ngạch ưu tiên). Qua nhiều nỗ lực đấu tranh, cuối cùng, Chính phủ cũng mở rộng phạm vi áp dụng cho Dalit Sikh giáo (1956) và Dalit Phật giáo (1990). Tuy nhiên, hai cộng đồng có số lượng lớn Dalit Kitô giáo và Dalit Muslim cho tới nay vẫn không được hưởng ưu đãi từ đạo luật này. Việc không được công nhận là SCs/STs không những khước từ Dalit trong hai cộng đồng này khỏi hạn ngạch ưu tiên mà còn phủ nhận sự bảo vệ của luật pháp mà SCs và STs được hưởng theo Đạo luật Bảo vệ Untouchability 1979 hay Đạo luật Ngăn chặn Bạo lực 1989. Điều này dẫn tới sự bất đồng trong chính sách của Chính phủ với các cộng đồng tôn giáo trong nước.

Cùng với đó, trước sự gia tăng ngày càng nhanh về số lượng tín đồ cũng như hoạt động truyền giáo của các tôn giáo khác, đặc biệt là Kitô giáo và Islam giáo, và để ngăn chặn việc cải giáo tập thể của Dalit, nhiều bang ban hành và áp dụng luật liên quan tới vấn đề cải giáo. Những đạo luật đầu tiên được ban hành và áp dụng tại Ấn Độ vào khoảng những năm 1930 ở một vài tiểu bang, như Đạo luật cải giáo Raigarh năm 1936, Đạo luật Tự do Tôn giáo 1942, Đạo luật Chống Cải giáo Udaipur 1946,...

Hiện tại, có 6 bang áp dụng luật Chống Cải giáo (Anti-Conversion Laws). Đó là các đạo luật: Orissa (1967), Madhya Pradesh Dharma Swatantraya Adhiniyam (1968), Chhattisgarh (2000), Arunachal Pradesh (1978), Gujarat (2003), Himachal Pradesh (2007). Bang Tamil Nadu cũng áp dụng Luật cấm Cải giáo Ép buộc vào năm 2002, nhưng sau đó bị bãi bỏ khi đảng DMK (Dravida Munnetra Kazhagam) lên nắm quyền. Các bang Jharkhand, Karnataka và Manipur cũng đang cân nhắc việc ban hành đạo luật tương tự.

Các đạo luật chống cải giáo có những điểm khác nhau tùy theo mỗi bang nhưng về cơ bản đều quy định cấm ép buộc, lừa gạt và sử dụng các lợi ích vật chất để tiến hành việc cải giáo. Đồng thời, bất cứ ai muốn cải giáo đều phải có sự cho phép của chính quyền. Bất cứ sự vi phạm luật (theo mức độ) đều bị xử phạt (bao gồm phạt tù và tiền).

Sau khi độc lập, Ấn Độ tuyên bố là một quốc gia theo chủ nghĩa thế tục với các đạo luật Hiến pháp về quyền tôn giáo. Điều 25 bảo đảm tự do về nhận thức và quyền tự do thực hành, truyền bá tôn giáo theo quy định (không phá vỡ trật tự công cộng cũng như không ảnh hưởng tới sức khỏe,

đạo đức cộng đồng). Điều 19 bảo vệ quyền tự do ngôn luận, hiệp hội. Điều 51 quy định về nghĩa vụ của công dân trong việc thúc đẩy hài hòa dân tộc vượt ra khỏi tôn giáo. Tuy nhiên, những quy định trong luật pháp vẫn có khoảng cách với thực tế trong chính trị Ấn Độ, đặc biệt là đảng BJP - đảng nắm giữ quyền lực tại các bang Chhattisgarh, Gujarat, Madhya Pradesh, Rajasthan và hình thành liên minh cầm quyền tại Bihar, Karnataka và Orissa. Ở mỗi bang cầm quyền, BJP hoặc ban hành luật cấm cải giáo hoặc gia tăng hiệu lực cho luật hiện có. Điểm đáng chú ý là có sự trùng hợp giữa các bang này và các bang xảy ra tình trạng bạo lực chống lại các cộng đồng tôn giáo thiểu số (Kitô giáo và Islam giáo). Nhiều nhà lãnh đạo Hindu giáo cho rằng, các đoàn truyền giáo Kitô giáo đang cải giáo cho những người ngây thơ, kém hiểu biết bằng cách đưa ra các hỗ trợ như giáo dục, dịch vụ y tế miễn phí và cơ hội nghề nghiệp. Người Hindu giáo coi các dịch vụ xã hội đó như khoản hối lộ được Kitô giáo sử dụng nhằm thu hút những người nghèo khổ dễ dàng bị hấp dẫn bởi lợi ích từ giáo hội/nhà thờ.

Các đạo luật này, về lý thuyết, không cấm cải giáo mà nhằm ngăn chặn việc cải giáo cho các bộ tộc và đẳng cấp thấp bằng cách “ép buộc” và “mua chuộc” của nhiều đoàn truyền giáo nước ngoài, tuy nhiên, trên thực tế các đạo luật này bị coi là biện pháp của các nhóm chủ nghĩa dân tộc Hindu giáo nhằm mang lại vị trí thống trị cho Hindu giáo và chống lại nhóm tôn giáo tới từ bên ngoài lãnh thổ dân tộc. Ví dụ, vào tháng 01/2006, nhóm Hindutva ở bang Gujarat tổ chức lễ Shabri Kumbh Mela để tái cải giáo cho một vài bộ tộc trở lại Hindu giáo với khẩu hiệu mang tính kích động “Hồi sinh cho Hindu giáo, Vứt bỏ Kitô giáo” và buộc tội các đoàn truyền giáo Kitô xúi giục hoạt động khủng bố, ly khai. Chính quyền bang tham gia tích cực vào việc hỗ trợ nghi lễ này.

Đáp lại việc áp dụng các đạo luật Chống cải giáo, nhiều tổ chức tôn giáo và các tổ chức nhân quyền trong nước và quốc tế lên án mạnh mẽ chính quyền các bang, phủ nhận cáo buộc cải giáo bằng cách ép buộc, mua chuộc và tuyên bố rằng, việc cải giáo thể hiện quyền tự do lựa chọn của mỗi cá nhân theo nhu cầu tinh thần, là quyền cơ bản của con người được bảo đảm trong Hiến pháp cũng như các công ước của Liên Hợp Quốc mà Chính phủ Ấn Độ đã cam kết.

Bên cạnh đó, Chính quyền Liên bang cũng ban hành một số đạo luật ảnh hưởng tới hoạt động tôn giáo như Đạo luật Quy định về Nguồn tài trợ từ Nước ngoài (FCRA) năm 1976, theo đó các nguồn hỗ trợ nước

ngoài từ các tổ chức phi chính phủ (NGOs), đặc biệt là các tổ chức tôn giáo đều được quy định chặt chẽ nhằm hạn chế sự hỗ trợ từ một số NGOs nhất định; Đạo luật Ngăn chặn Hoạt động Bất hợp pháp năm 1967 trao quyền cho chính quyền bang ngăn cấm nhiều tổ chức kích động xung đột giữa các cộng đồng tôn giáo khác nhau trong nước. Thêm vào đó, Chính phủ cũng hạn chế việc mở cửa cho các đoàn truyền giáo nước ngoài, thông qua đó các tổ chức tôn giáo muốn vào đặt trụ sở và hoạt động tại Ấn Độ phải có giấy phép của chính quyền,...

Những người theo chủ nghĩa dân tộc Hindu giáo nhìn nhận việc người Hindu giáo chuyển dần sang các tôn giáo khác là sự phá hủy văn hóa dân tộc. Ngăn chặn cải giáo thì có thể ngăn chặn đẳng cấp thấp thoát khỏi hệ thống đẳng cấp. Điều này có thể tạo tiền lệ cho các đẳng cấp khác và đánh mất niềm tin Hindu giáo. Tuy nhiên, việc áp dụng các đạo luật chống cải giáo tại nhiều bang của Ấn Độ hiện nay bị coi là đi ngược lại con đường "thế tục" mà Chính phủ Ấn Độ đang theo đuổi, đồng thời dẫn tới những xung đột gay gắt giữa các nhóm tôn giáo cực đoan. Theo thống kê của CSW từ tháng 1 tới tháng 9 năm 2006 có hơn 90 trường hợp phạm tội chống lại người Kitô giáo được ghi nhận, trong đó phần lớn liên quan tới những cáo buộc cải giáo ép buộc theo đạo luật Tự do Tôn giáo¹⁵.

5.2.2. Vị trí kinh tế, xã hội

Mặc dù đã cải sang tôn giáo khác nhưng đối với các thành viên đẳng cấp cao thì "Dalit vẫn là Dalit". Ngày nay, chuyển sang một tôn giáo mới không những không mang lại cho Dalit những điều họ mong đợi mà còn phải chịu sự phân biệt gấp hai lần. Một là phân biệt đẳng cấp; Hai là phân biệt tôn giáo.

Điểm đặc biệt trong các tôn giáo ở Ấn Độ là sự tương tác, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình phát triển. Những tôn giáo đến từ bên ngoài với mô hình tư tưởng khác biệt khi vào Ấn Độ cũng bắt đầu có những biến đổi để thích nghi với môi trường mới. Những người Hindu giáo khi cải sang Sikh giáo, Kitô giáo, Islam giáo,... cũng mang theo cả phong tục, quan niệm truyền thống. Điều đó đồng nghĩa với việc họ mang theo cả đẳng cấp, nghề nghiệp của mình. Vì vậy, trong thực tế, trong mỗi tôn giáo đều có sự phân tầng rõ rệt, cùng với việc thực hành nội hôn, trong mỗi tôn giáo cũng dần dần hình thành lên các nhóm cộng đồng riêng.

Ví dụ, cộng đồng Kitô giáo tại bang Kerala chia thành hai nhánh: Syrian và Latin Christian, mỗi nhánh lại chia ra thành nhiều nhánh nhỏ hơn. Những thành viên thuộc Syrian Christian, bao gồm chủ yếu là đẳng cấp cao cải sang, tuyên bố tổ tiên của họ là những người được cải đạo bởi chính Thánh Thomas. Vì vậy, cộng đồng này vẫn duy trì các nghi lễ, thực hành truyền thống và hạn chế kết hôn với cộng đồng Christian khác. Trong khi đó, nhánh Latin Christian lại chủ yếu là những người đến từ đẳng cấp thấp, làm ngư nghiệp cải theo Kitô giáo thông qua hoạt động của các đoàn truyền giáo Latinh tại bờ biển Kerala vào khoảng thế kỷ XVI - XIX. Tại Goa, trong cộng đồng Kitô cũng có sự phân tách rõ ràng khi những người cải giáo thuộc đẳng cấp Brahmin được gọi là Bamonns, từ đẳng cấp Kshatriya và Vaishya gọi là Chardos, từ Shudras thành Sudirs và từ Dalits hay Untouchables chuyển thành Maharas and Chamars.

Tương tự như Kitô giáo, cộng đồng Muslim trong thực tế cũng phân chia thành 3 nhóm: Ashrafs - tầng lớp quý tộc, bao gồm những người có tổ tiên đến từ bên ngoài lãnh thổ Ấn Độ hoặc cải sang từ đẳng cấp cao; Ajlafis - tầng lớp từ các đẳng cấp thấp hơn và Arzals là những người có vị trí thấp nhất từ Untouchables chuyển sang. Trong cộng đồng Sikh giáo cũng có sự phân chia như vậy. Những người thuộc đẳng cấp cao được gọi là Sardars có quyền lực kinh tế và sở hữu nhiều đất đai; đẳng cấp thấp gọi là Mazhbis,....

Người Dalit chuyển sang một tôn giáo khác chỉ đơn giản là chuyển từ tên gọi này sang tên gọi khác. Dalit vẫn sống tại một nơi (thậm chí cả 2, 3 thế hệ tiếp theo sau khi cải giáo), làm cùng một công việc, cùng mức lương, cùng ông chủ và chịu những phân biệt đối xử tương tự. Có thể nói rằng, cuộc sống của Dalit sau cải giáo không có gì thay đổi nhiều khi mô hình xã hội phân tầng vẫn tiếp tục được duy trì, thậm chí cả trong các tôn giáo vốn tuyên bố là bình đẳng và không tồn tại đẳng cấp.

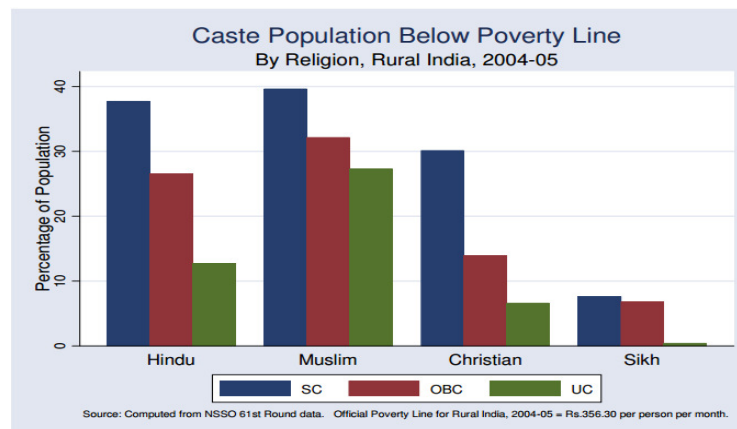
Nhìn chung, cộng đồng Dalit trong tất cả các tôn giáo đều sống trong tình trạng nghèo khổ. Việc thiếu trình độ nghề nghiệp cũng như bị áp đặt trong các công việc tay chân theo truyền thống đẳng cấp khiến cho Dalit khó có thể đạt được nhiều thành công trong lĩnh vực kinh tế. Sau khi cải giáo, bên cạnh các công việc do tổ chức tôn giáo tạo ra, hầu hết Dalit đều tiếp tục làm công việc cũ (ngoại trừ các tín đồ Phật giáo từ bỏ các công việc vệ sinh).

Bảng 3. Tỷ lệ Dalit trong các nhóm tôn giáo theo mức thu nhập đầu người/tháng khu vực nông thôn giai đoạn 2004 - 2005 (%)

Religious Community	Below PL	Rs.357-450	451-650	651-1200	Rs.1200 +	All Classes
Hindu	37.7	23.6	25.0	11.7	2.0	100.0
Muslim	39.6	15.8	37.1	4.9	2.6	100.0
Christian	30.1	33.5	14.0	16.4	6.1	100.0
Sikh	7.6	19.1	41.2	28.5	3.6	100.0
Buddhist	45.9	21.4	23.7	6.6	2.5	100.0
All Dalits	36.8	23.5	25.4	12.2	2.1	100.0

Nguồn: NSSO 62st Round Data. Poverty Line is as per official estimate of Planning Commission Expert Group (Rs.356.30 for Rural India for 2004-2005).

Nhìn vào Bảng 3 theo thống kê của NSSO có thể thấy tỷ lệ Dalit sống dưới mức nghèo đói (356,30 Rs/tháng) trong các tôn giáo chiếm tỷ lệ cao (trên 30%) so với các mức khác (ngoại trừ Dalit Sikh giáo). Tỷ lệ cao nhất tại khu vực nông thôn nằm ở cộng đồng Dalit Phật giáo, với khoảng 45,9 %, tiếp đó là Dalit Islam giáo ở mức 39,6%, Dalit Hindu giáo 37,7%, Dalit Kitô giáo 30,1% và thấp nhất là cộng đồng Dalit Sikh giáo, chỉ khoảng 7,6%. Ngược lại, tỷ lệ Dalit có mức tiêu dùng trên 1.200 Rs/tháng chiếm tỷ lệ rất nhỏ chỉ khoảng từ 2 tới 6%, trong đó Dalit Kitô giáo giữ ở mức cao nhất (6,1%), kế đến là Dalit Sikh giáo (3,6%), Dalit Islam giáo (2,6%), Dalit Phật giáo (2,5%) và thấp nhất là Dalit Hindu giáo với chỉ 2%.

Biểu đồ 1. Tỷ lệ dân số của mỗi đẳng cấp trong các tôn giáo dưới mức nghèo khổ tại nông thôn Ấn Độ giai đoạn 2004 - 2005 (%)

Khi so sánh với các đẳng cấp khác, có thể thấy tình hình chung là dân số của các đẳng cấp thấp sống dưới mức nghèo đói (BPL) ở khu vực nông thôn luôn chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều so với đẳng cấp cao. Trong đó, cộng đồng Muslim có tỷ lệ người thuộc BPL cao nhất (trung bình khoảng 33%), tuy nhiên, khoảng cách chênh lệch giữa các đẳng cấp lại không lớn (chỉ khoảng 6%); Hindu giáo và Kitô giáo là hai cộng đồng có tỷ lệ sống dưới mức nghèo đói khá cao (trung bình lần lượt xấp xỉ 25% và 20%) với biên độ chênh lệch lớn khoảng 15%; cộng đồng Sikh giáo vẫn chiếm tỷ lệ đói nghèo thấp nhất (trung bình khoảng 5%), tập trung phần lớn trong các đẳng cấp thấp.

Cũng trong tình trạng tương tự như vậy, ở bảng 4, tỷ lệ Dalit tại khu vực đô thị thuộc BPL (538,60 Rs/tháng) trong các tôn giáo cũng vẫn duy trì ở mức cao (trung bình xấp xỉ 40%) thậm chí còn cao hơn so với khu vực nông thôn. Theo đó, cao nhất lại nằm trong cộng đồng Dalit Muslim và Dalit Hindu giáo, lần lượt là 46,8% và 40,9%, kể đến là Dalit Kitô giáo 32,3% và Phật giáo 28,9%, cộng đồng Dalit Sikh giáo vẫn có tỷ lệ thấp nhất 28,8%, gấp khoảng 4 lần so với Dalit Sikh giáo tại khu vực nông thôn. Trong khi đó, tỷ lệ Dalit tại khu vực đô thị sống với mức thu nhập trên 2.500 Rs/tháng chiếm tỷ lệ rất nhỏ (trung bình 1,6%) thậm chí tỷ lệ của Dalit Muslim là 0%.

Bảng 4. Tỷ lệ Dalit trong các nhóm tôn giáo theo mức thu nhập đầu người/tháng khu vực đô thị giai đoạn 2004 - 2005 (%)

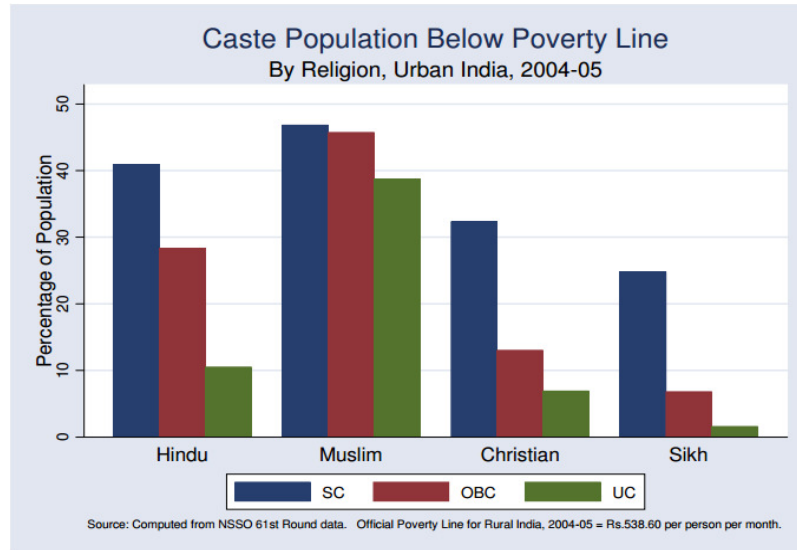
Religious Community						All Classes
	<i>Below PL</i>	<i>Rs.539-800</i>	<i>801-1250</i>	<i>1251-2500</i>	<i>Rs.2500 +</i>	
Hindu	40.9	28.3	21.2	8.1	1.6	100.0
Muslim	46.8	33.1	9.8	10.3	0.0	100.0
Christian	32.3	30.9	22.0	12.7	2.1	100.0
Sikh	24.8	39.6	20.1	12.3	3.2	100.0
Buddhist	28.9	28.1	28.4	13.1	1.6	100.0
<i>All Dalits</i>	39.8	28.5	21.5	8.6	1.6	<i>100.0</i>

Source: Computed from NSSO 62st Round data. Poverty Line is as per official estimate of Planning Commission Expert Group (Rs.538.60 for Urban India for 2004-2005).

Giống như tại khu vực nông thôn, Muslim tại đô thị vẫn là cộng đồng có tỷ lệ đói nghèo cao nhất (trên 40%) với mức chênh lệch rất nhỏ giữa

các đẳng cấp. Tuy nhiên, trong các cộng đồng tôn giáo còn lại đều có sự khác biệt rõ rệt về tỷ lệ nghèo đói của đẳng cấp thấp và đẳng cấp cao. Tính trung bình, tỷ lệ người thuộc đẳng cấp cao ở khu vực đô thị của thuộc Hindu giáo, Kitô giáo và Sikh giáo chỉ khoảng 6%, trong khi tỷ lệ ở đẳng cấp thấp lại khá cao trên 20% (biểu đồ 2).

Biểu đồ 2. Tỷ lệ dân số của mỗi đẳng cấp trong các tôn giáo dưới mức nghèo khổ tại đô thị giai đoạn 2004 - 2005 (%)

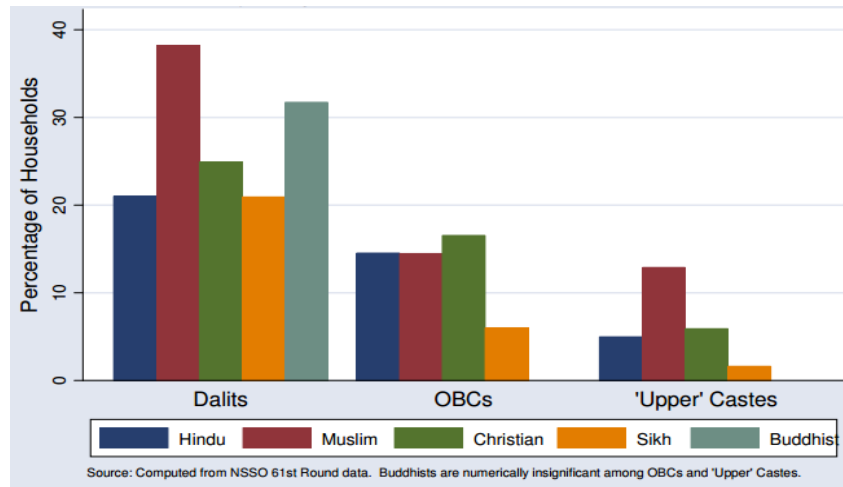


Xét trên lĩnh vực nghề nghiệp, phần lớn Dalit trong các cộng đồng tôn giáo tại khu vực nông thôn của Ấn Độ làm nông nghiệp là chủ yếu. Trong lĩnh vực kinh tế này, tôi sẽ tiến hành so sánh giữa các đẳng cấp theo hai loại: một là loại lao động nông nghiệp dưới hình thức tự do (làm thuê) và thứ hai là loại lao động nông nghiệp dưới hình thức tự canh tác (có sở hữu đất).

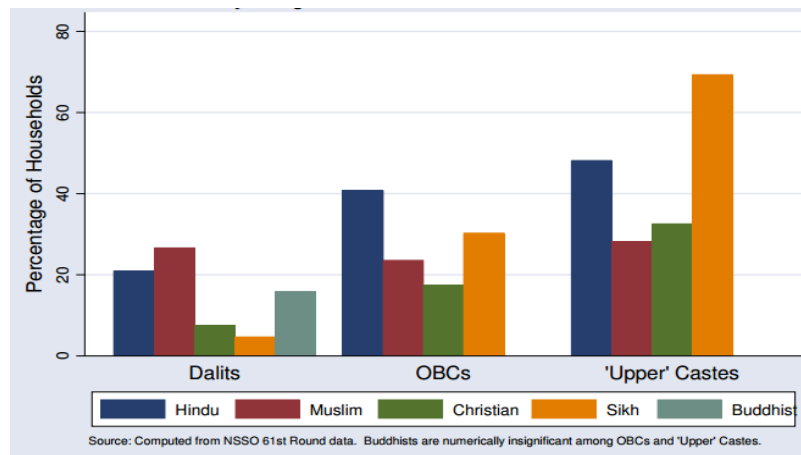
Trong Biểu đồ 3, có thể dễ dàng nhận thấy sự chênh lệch giữa các đẳng cấp khi tỷ lệ lao động nông nghiệp loại 1 ở hộ gia đình Dalit và OBCs của tất cả các tôn giáo đều cao hơn rất nhiều so với các hộ gia đình đẳng cấp cao khác. Đồng thời, tỷ lệ Dalit trong từng tôn giáo cũng có sự chênh lệch đáng kể. Dalit Muslim là cộng đồng có tỷ lệ lao động loại 1 cao nhất, khoảng 38%, Dalit Phật giáo tiếp sau với gần 32%, Dalit Kitô giáo 25%, thấp nhất là Dalit Hindu giáo và Dalit Sikh giáo đều khoảng xấp xỉ 21%, trong khi đó hộ gia đình thuộc đẳng cấp cao lại chiếm tỷ lệ nhỏ hơn nhiều, trung bình chỉ khoảng 7%.

Trái ngược với nội dung Biểu đồ 3 thể hiện, Biểu đồ 4 cho thấy tỷ lệ hộ gia đình thuộc các đẳng cấp khác nhau trong từng tôn giáo hoạt động lao động nông nghiệp loại 2. Trong đó, tỷ lệ gia đình đẳng cấp cao lại chiếm tỷ lệ (trung bình trên 40%) cao hơn nhiều so với hộ gia đình thuộc Dalit (trung bình khoảng 13%) và OBCs (trung bình 25%). Tỷ lệ hộ gia đình lao động loại 2 cao nhất nằm trong UC Sikh giáo (gần 70%), UC Hindu giáo (khoảng 50%) và thấp nhất ở Dalit Sikh giáo (5%) và Dalit Kitô giáo (9%).

Biểu đồ 3: Tỷ lệ hộ gia đình của các đẳng cấp trong từng tôn giáo lao động nông nghiệp loại 1 giai đoạn 2004 - 2005 tại khu vực nông thôn (%)



Biểu đồ 4. Tỷ lệ hộ gia đình của các đẳng cấp trong từng tôn giáo lao động nông nghiệp loại 2 giai đoạn 2004 - 2005 tại khu vực nông thôn (%)



Bảng 5. Tỷ lệ trong các nghề nghiệp của Dalit Kitô giáo ở bang Tamil Nadu năm 1992 (%)

Nghề nghiệp	Số phần trăm
Quản lý cấp cao	0.62
Quản lý cấp thấp	2.68
Chuyên nghiệp	0.68
Dạy học	3.57
Tu sĩ	1.73
Thương nhân	0.75
Giao thông vận tải	1.72
Dịch vụ và chế biến	2.26
Xây dựng	2.80
Tự trồng trọt	7.29
Lao động nông nghiệp	54.75
Lâm nghiệp và chăn nuôi gia súc	1.05
Thợ thủ công	1.80
Các ngành nghề khác	18.74

Source: Raj, Antony, Discrimination Against Dalit Christian in Tamil Nadu, Ideas Center, Madurai, 1992, tr.357

Xét ví dụ trong cộng đồng Dalit Kitô giáo tại bang Tamil Nadu sau cải giáo năm 1992 có thể thấy sự khác biệt rõ rệt trong cơ cấu nghề nghiệp. Tỷ lệ Dalit tham gia lao động nông nghiệp chiếm hơn 50%, trong khi đó tỷ lệ trong các ngành khác lại chiếm tỷ lệ rất nhỏ như công việc hành chính (0,62%) hay kinh doanh thương mại (0,75%).

Từ những con số thống kê được phân tích ở trên, có thể thấy rằng, Dalit sau khi cải sang các tôn giáo khác xét trên khía cạnh kinh tế nhìn chung vẫn không có nhiều thay đổi (trừ Dalit Sikh giáo), thậm chí còn thấp hơn so với cộng đồng Dalit vẫn thuộc Hindu giáo. Nhân tố kinh tế giữ vai trò vô cùng quan trọng trong đời sống của Dalit, việc chưa cải thiện được nhân tố này khiến cho Dalit chưa thể thoát khỏi vòng áp bức của các đẳng cấp khác cũng như không tạo được bước ảnh hưởng lớn lên phong trào đấu tranh giành quyền bình đẳng.

5.2.3. Giáo dục

Nâng cao trình độ học vấn cho Dalit cũng là một trong những mục tiêu quan trọng mà nhiều tôn giáo nhắm tới đặc biệt là Kitô giáo và Phật giáo. Qua nhiều chương trình hỗ trợ và ưu đãi giáo dục, trình độ học vấn trong các cộng đồng Dalit cũng có những thay đổi. Tuy nhiên, xét trên tổng thể thì mục tiêu này vẫn chưa đạt được kết quả như mong đợi khi tỷ lệ mù chữ trung bình của Dalit trong các tôn giáo tại khu vực nông thôn lên tới xấp xỉ 50%.

Bảng 6. Tỷ lệ giáo dục của Dalit trong từng tôn giáo tại khu vực nông thôn giai đoạn 2004 - 2005 (%)

Religion	Not Literate	Upto Primary	Upto Secondary	Higher Secondary	Diploma & Graduate+	Total
Hindu	48.53	33.31	14.8	1.97	1.38	100
Muslim	48.08	32.85	15.39	2.14	1.53	100
Christian	38.42	30.67	23.1	6.29	1.52	100
Sikh	43.88	34.96	17.33	2.88	0.95	100
Buddhist	33.13	30.99	26.81	4.44	4.63	100
All Dalits	47.9	33.29	15.26	2.1	1.45	100

Cells show estimated percentage distribution of urban population aged 6 and above for each group across the educational spectrum. Source: Computed from NSSO 61st Round data.

Theo thống kê của NSSO giai đoạn 2004 - 2005, cộng đồng Dalit Hindu giáo và Muslim có tỷ lệ mù chữ cao nhất, lần lượt là 48,53% và 48,08%, tiếp theo là Dalit Sikh giáo với 43,88%, Dalit Kitô giáo với 38,42% và thấp nhất trong cộng đồng Dalit Phật giáo với 33,13%. Trong khi đó, tỷ lệ nhận được giáo dục có xu hướng giảm dần theo trình độ ngày càng lên cao với con số trung bình của Dalit đạt được giáo dục bậc cao chỉ khoảng 1,45%.

Nếu cho rằng, việc tiếp cận nguồn giáo dục tại khu vực đô thị thuận lợi hơn thì tỷ lệ mù chữ trong cộng đồng Dalit ở đô thị thấp hơn nhiều so với khu vực nông thôn ở mức trung bình là 29,78%, nhưng Dalit Muslim và Dalit Hindu giáo vẫn là hai cộng đồng có tỷ lệ mù chữ cao (trên 30%). Cộng đồng Dalit Phật giáo và Dalit Kitô giáo có tỷ lệ mù chữ thấp (dưới 18%), đồng thời tỷ lệ đạt trình độ giáo dục đại học và sau đại học cũng cao hơn các cộng đồng khác.

Bảng 7. Tỷ lệ giáo dục của Dalit trong từng tôn giáo tại khu vực đô thị giai đoạn 2004 - 2005 (%)

Religion	Not Literate	Upto Primary	Upto Secondary	Higher Secondary	Diploma & Graduate+	Total
Hindu	30.88	34.29	25.37	4.61	4.85	100
Muslim	31.79	36.95	25.14	1.88	4.24	100
Christian	15.69	33.47	30.95	8.45	11.45	100
Sikh	28.06	33.89	27.13	6.62	4.3	100
Buddhist	17.32	30.05	31.15	8.33	13.15	100
<i>All Dalits</i>	29.78	34.05	25.83	4.91	5.43	100

Cells show estimated percentage distribution of urban population aged 6 and above for each group across the educational spectrum. Source: Computed from NSSO 61st Round data.

Tại cả hai khu vực, nhìn chung, cộng đồng Dalit Phật giáo và Dalit Kitô giáo là hai cộng đồng dẫn đầu về số lượng người có trình độ giáo dục cơ bản và bậc cao. Điều này chứng tỏ tác động tích cực từ các chính sách giáo dục cho đẳng cấp thấp của hai tôn giáo này. Tuy nhiên về cơ bản, trình độ học vấn chung của Dalit sau cải giáo vẫn ở mức thấp. Đó cũng là nguyên nhân khiến Dalit khó có thể nhận được công việc ổn định cũng như các vị trí cao ở những nơi có người thuộc đẳng cấp trên với trình độ giáo dục cao hơn chiếm ưu thế.

5.2.4. Vị trí xã hội và tôn giáo

Như đã trình bày ở trên, vị thế của Dalit sau cải giáo không có nhiều thay đổi. Người Hindu đẳng cấp cao coi việc cải giáo của Dalit (đặc biệt là sang các tôn giáo đến từ bên ngoài lãnh thổ Ấn Độ như Kitô giáo và Islam giáo) là hành động phản bội lại văn hóa và tôn giáo Hindu truyền thống của dân tộc, trong khi đó, tầng lớp đẳng cấp cao trong các tôn giáo khác lại coi Dalit cải giáo là những người không có niềm tin và giá trị tinh thần.

Trong cuộc sống cộng đồng, khu vực sinh sống của Dalit vẫn cách biệt so với các đẳng cấp còn lại từ cửa hàng, giếng nước tới những tiếp xúc trực. Trong cộng đồng Sikh giáo, người Dalit phải sống ở rìa làng, không được phép lấy nước từ các giếng dành riêng cho đẳng cấp cao, ngồi tách biệt với đẳng cấp khác trong các lễ hội của làng, đồng thời cũng không được phép tổ chức hôn lễ tại cơ sở thờ tự (Gurudwara). Tại bang Kerala, trong cộng đồng Kitô giáo, tầng lớp Dalit phải bỏ mũ khi nhìn thấy tầng lớp Syrian và phải dùng tay che miệng khi nói chuyện... Bên cạnh đó, cũng giống như Dalit Hindu giáo, Dalit cải giáo cũng bị hạn chế trong việc

tiếp cận tới các dịch vụ xã hội cơ bản như y tế, bưu điện,... và tại các trường học (kể cả các trường do tôn giáo mở) tình trạng phân biệt đối xử giữa giáo viên với học sinh có nguồn gốc Dalit hoặc giữa các học sinh từ các đẳng cấp khác nhau cũng diễn ra. Các cộng đồng cũng duy trì chế độ nội hôn và việc kết hôn giữa các thành viên thuộc các đẳng cấp khác nhau bị hạn chế, đặc biệt là giữa người thuộc Dalit với đẳng cấp cao.

Trong đời sống tôn giáo, Dalit cải giáo cũng bị tách ra khỏi chính những người trong cùng tôn giáo. Ví dụ, trong Kitô giáo, tại nhiều nơi có nhà thờ dành riêng cho Dalit và nhà thờ dành cho các đẳng cấp khác. Các linh mục Syrian không thực hiện các nghi lễ trong nhà thờ của Dalit mà sẽ có một linh mục, thường thuộc đẳng cấp thấp, đảm nhiệm. Nếu không có nhà thờ riêng thì Dalit phải ngồi phía dưới cùng hoặc ngồi bên ngoài và không được phép tham gia vào các nghi lễ, thậm chí không được uống rượu thánh trong lễ ban thánh thể trước các đẳng cấp khác. Mặc dù Dalit chiếm khoảng 70% số lượng tín đồ Kitô giáo tại Ấn Độ nhưng tỷ lệ người đại diện lại rất thấp trong các vị trí quan trọng của giáo hội. Đa số các giám mục và linh mục, chức sắc tôn giáo đều đến từ đẳng cấp cao. Tại bang Tamil Nadu, Dalit Kitô giáo hợp thành hơn 65% nhưng chỉ 3,1% trong số đó là linh mục thuộc tầng lớp Dalit và thường không được giữ những vị trí cao trong giáo hội, trong khi đó, 12 trong tổng số 14 giám mục trong vùng đều thuộc đẳng cấp cao. Tại Pondicherry cũng có sự chênh lệch tương tự khi Dalit Kitô giáo hợp thành 80% tổng tín đồ nhưng chỉ có 10,2% linh mục thuộc Dalit và không ai trong số đó có vị trí quan trọng. Ngược lại, các đẳng cấp cao khác chỉ chiếm khoảng 20% lại có tới 89,82% linh mục và chiếm giữ hầu hết các vị trí cao trong giáo đoàn¹⁶.

Bên cạnh đó, Dalit cải giáo cũng chịu sự đe dọa từ phía chính quyền và nhiều nhóm hoạt động Hindu giáo. Ví dụ, tháng 7 năm 2001, khi 18 Dalit Hindu giáo cải sang Kitô giáo tại ngôi làng Korua, quận Kendrapara, bang Orissa đã vấp phải sự phản đối của các tổ chức Sangh Parivar và cảnh sát địa phương đã bắt giữ 18 Dalit cải giáo cùng 4 mục sư thực hiện nghi lễ cải giáo với lời buộc tội tiến hành cải giáo bất hợp pháp theo đạo luật Tự do Tôn giáo của bang,...

Như vậy, có thể thấy, việc cải sang các tôn giáo khác không những không giúp Dalit thoát khỏi sự phân biệt đối xử mà còn làm gia tăng mức độ. Tình trạng của Dalit Kitô giáo và Dalit Muslim thậm chí còn nặng nề hơn khi hai tôn giáo này bị những người theo Hindu giáo cực đoan coi là sản phẩm của kẻ xâm lược.

5.2.4. *Bạo lực chống lại Dalit cải giáo*

Giai đoạn cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI chứng kiến sự hoạt động mạnh mẽ của các nhóm Hindu giáo theo hệ tư tưởng Hindutva, song song với đó là sự gia tăng tình trạng bạo lực và xung đột giữa các cộng đồng tôn giáo khác nhau, đặc biệt xoay quanh vấn đề cải giáo, trong đó Dalit cải giáo trở thành mục tiêu của nhiều nhóm chủ nghĩa dân tộc cực đoan. Các nhóm Hindu giáo cực đoan với tư tưởng độc tôn Hindu giáo, hạn chế ảnh hưởng của các tôn giáo khác, đồng thời nỗ lực tái cải giáo cho bộ phận người Ấn đã cải giáo thông qua khẩu hiệu “Một dân tộc, một quốc gia, một văn hóa”.

Các dạng thức bạo lực bao gồm từ đe dọa, đốt nhà, phá hủy tài sản, đánh đập, xâm hại tình dục, ép buộc trở lại Hindu giáo cho tới sát hại,... Đặc biệt từ cuối những năm 1990 khi nhiều bang ban hành luật Tự do Tôn giáo nhằm hạn chế việc cải giáo thì xung đột giữa các nhóm tôn giáo ngày càng gia tăng. Hầu hết các bang ban hành luật Tự do Tôn giáo đều là nơi mà các tổ chức Hindu giáo Sangh Parivar hoạt động mạnh mẽ. Ví dụ, tại bang Orissa, năm 1998, 5.000 người thuộc Sangh Parivar đã tấn công cộng đồng Kitô giáo tại khu làng Ramgiri-Udaygiri, quận Gajapati, đốt 92 ngôi nhà, một nhà thờ. Trước đó, nhóm người này cũng xông vào một trại giam địa phương và thiêu sống hai tù nhân là tín đồ Kitô giáo. Vào tháng 3/1999, 157 ngôi nhà của tín đồ Kitô giáo bị đốt cháy, 12 người bị thương và 3 người bị bắn tại làng Ranalai,... Bạo lực không chỉ giới hạn trong cộng đồng Kitô giáo người Ấn mà các đoàn truyền giáo nước ngoài cũng trở thành mục tiêu. Cũng năm 1999, một mục sư người Australia cùng 2 con trai bị thiêu sống khi đang ngủ trong xe tại làng Manorhapur, quận Keonjhar. Bạo lực tôn giáo tại bang Orissa được ghi nhận thường xuyên dưới nhiều dạng thức, tuy nhiên, vào năm 2008, tình trạng này thu hút được sự chú ý trong và ngoài nước vì cuộc tấn công nhắm vào những người Kitô giáo của các nhóm Hindu giáo cực đoan thuộc Sangh Parivar khi Sangh Parivar buộc tội những người Kitô giáo sát hại Swami (người ủng hộ văn hóa Hindu giáo và chiến dịch chống lại việc cải giáo cho các bộ tộc và đẳng cấp thấp sang Kitô giáo và phong trào Ghar vapasi) cho dù nhóm Naxalite¹⁷ đã lên tiếng nhận trách nhiệm. Bạo lực sau đó tiếp tục lan rộng khắp 300 ngôi làng thuộc 14/20 quận của bang Orissa. Hậu quả là 4.400 ngôi nhà bị đốt cháy và 50.000 người mất nhà cửa, 59 người chết và 18.000 người bị thương¹⁸. Tình trạng bạo lực chống lại những người cải giáo và cộng đồng Kitô giáo cũng diễn ra ở nhiều bang khác như Tamil Nadu, Chhattisgarh, Madhya Pradesh,...

Xung đột tôn giáo tại Ấn Độ hiện nay đã trở thành vấn đề thu hút nhiều sự chú ý trong và ngoài nước. Những lỗ hổng trong luật pháp Liên bang cũng như sự phớt lờ của chính quyền bang đã dẫn tới việc phát triển và mở rộng hoạt động của các nhóm tôn giáo cực đoan. Và Dalit cải giáo trở thành một trong những nạn nhân tiêu biểu của tình trạng này.

6. Kết luận

Có thể nói rằng, con đường cải giáo của Dalit mà vị lãnh tụ tinh thần B. R. Ambedkar đề xướng đã không thực sự mang lại hiệu quả như mong đợi. Những quan niệm, phong tục truyền thống tồn tại qua hàng ngàn năm lịch sử đã bám rễ sâu vào mọi khía cạnh của đời sống hằng ngày của cư dân Ấn Độ, đặc biệt tại khu vực nông thôn, nên rất khó có thể xóa bỏ trong một khoảng thời gian ngắn. Mặc dù về phương diện luật pháp hiện nay, SCs, STs và các cộng đồng tôn giáo thiểu số khác nhận được nhiều ưu đãi, hỗ trợ cũng như biện pháp bảo vệ từ chính phủ, nhưng việc áp dụng trong thực tế hơn 60 năm sau độc lập lại thiếu sự triệt để. Chính sự lỏng lẻo trong luật pháp và bất bình đẳng trong áp dụng đã khiến cho thực hành Untouchability cùng các xung đột đẳng cấp, tôn giáo vẫn liên tục diễn ra tại nhiều bang với mức độ ngày càng nghiêm trọng. Bên cạnh đó, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào Hindutva thông qua các nhóm cổ súy cho tinh thần Hindu giáo cực đoan như VHP, RSS, Bajrang Dal... với sự bảo hộ của chính quyền một số bang vào cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI đã có tác động không nhỏ tới phong trào cải giáo của cộng đồng đẳng cấp thấp, bao gồm cả các nhóm bộ tộc. Sự việc này cũng dẫn tới sự xuất hiện hiện tượng cải giáo trở lại Hindu giáo. Hiện tượng này được thúc đẩy bởi hai nguyên nhân chính, *thứ nhất* là do sự thất bại của các tôn giáo khác trong việc mang tới bình đẳng theo như cam kết và *thứ hai* là nỗ lực thực hiện Ghar Vapasi (trở về nhà) của các nhóm Hindu giáo cực đoan. Khi Dalit từ các tôn giáo như Kitô giáo và Islam giáo trở lại Hindu giáo sẽ được hưởng ưu đãi dành cho SCs/STs như quy định. Ví dụ, theo báo cáo năm 2002 tại bang Orissa, VHP tuyên bố đã cải giáo trở lại cho 5.000 người theo Kitô giáo trở lại Hindu giáo¹⁹.

Những người thuộc đẳng cấp trên không muốn chia sẻ các quyền lợi và vị trí xã hội của mình, trong khi những người thuộc đẳng cấp thấp lại thiếu nhiều sở hữu về kinh tế, ảnh hưởng về chính trị, tôn giáo, xã hội khiến cho công cuộc phân chia quyền bình đẳng đẳng cấp khó có thể thực hiện hiệu quả. Sở dĩ các biện pháp của chính phủ chưa mang lại nhiều tác động tích cực vì quá trình áp dụng vào thực tế của nhiều đạo luật luôn bị

chi phối bởi tư tưởng phân chia đẳng cấp cao - thấp, trên - dưới truyền thống. Vậy nên bên cạnh các biện pháp nỗ lực nâng cao vị trí cho Dalit thì việc thay đổi nhận thức, không chỉ của cộng đồng đẳng cấp thấp mà của toàn xã hội, không chỉ trong Hindu giáo mà tất cả các tôn giáo chính là mục tiêu lâu dài cần được thực hiện. Cùng với đó việc áp dụng luật pháp, chính sách trong thực tế của chính quyền phải giữ được nhân tố bình đẳng làm nền tảng xuyên suốt. Có như vậy, cuộc sống của Dalit mới có thể nâng lên, Untouchability có thể dần dần bị xóa bỏ, giảm thiểu xung đột giữa các tôn giáo và công cuộc phát triển theo tư tưởng thế tục mới thực sự thành công./.

CHÚ THÍCH:

- 1 2001 Census Data by Government of India.
- 2 Maha Bodhi Society là một hiệp hội Phật tử Nam Á được thành lập vào năm 1891 với mục tiêu phục hưng Phật giáo tại Ấn Độ và phục hồi các đền Phật giáo cổ tại Bodh Gaya, Sarnath và Kushinara.
- 3 *The Buddha and His Dhamma* là cuốn sách về Đức Phật được B. R. Ambedkar biên soạn từ tháng 10/1951 và hoàn thành vào tháng 2/1956.
- 4 Christopher Jaffrelot (2005), "Dr. Ambedkar's Strategies against Untouchability and the Caste System", *Indian Institute of Dalit Studies*, Vol. 3: 14.
- 5 Christopher Jaffrelot (2005), "Dr. Ambedkar's Strategies against Untouchability and the Caste System", *Indian Institute of Dalit Studies*, Vol. 3: 87.
- 6 Christopher Jaffrelot (2005), "Dr. Ambedkar's Strategies against Untouchability and the Caste System", *Indian Institute of Dalit Studies*, Vol. 3: 98.
- 7 Reju George Mathew, *Ambedkar and Conversion to Christianity*: 4.
- 8 2001 Census Data by Government of India
- 9 Muziris là một hải cảng và trung tâm đô thị cổ nằm ở phía Tây Nam Ấn, tồn tại vào khoảng thế kỷ 1 sau Công Nguyên. Tới năm 1341, Muziris bị phá hủy vì 1 trận lụt lớn. Ngày nay, các nhà lịch sử và khảo cổ học vẫn chưa xác định được chính xác vị trí của trung tâm này.
- 10 Joseph McQuade (2012), *Protestant Missions and Dalit Mass Movements in Nineteenth Century in India*: 2.
- 11 Joseph McQuade (2012), *Protestant Missions and Dalit Mass Movements in Nineteenth Century in India*: 4.
- 12 "Census of India 2001: Data on Religion", Office of the Registrar General, India, Retrieved 2007-12-31.
- 13 Yoginder S. Sikand (2005), *Islam and the Dalit Quest for Liberation in Contemporary India*.
- 14 Ekta Singh (2009), *Caste System in India: A Historical Perspective*, Kalpaz Publications: 168.
- 15 *International Religious Freedom Report 2003* by the United States Department of State, Retrieved on April 19, 2007.

- 16 Lancy Lobo (1990), *Visions and Illusions of Dalit Converts in India*: 446.
- 17 Naxalite là tên gọi chung để chỉ những nhóm quân sự Cộng sản Mao cực đoan hoạt động tại nhiều khu vực tại Ấn Độ dưới các vỏ bọc khác nhau. Các nhóm này bị coi là một nhóm khủng bố theo Luật Ngăn chặn Hoạt động Bất hợp pháp tại Ấn Độ năm 1967.
- 18 Sali Augustine (2011), “Violence against Christians in India: Mobilization of Adivasis and Dalits as the ‘Un-reached’ and the ‘Foot-Soldiers’”, *The Journal of Sophia Asian Studies*, No. 29: 2.
- 19 *Communalism in Orissa*, Report of the Indian People’s Tribunal on Environment and Human Rights, 2006.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách tham khảo

1. Akshayakumar Ramanlal Desai (2005), *Social Background of Indian Nationalism*, Popular Prakashan, Mumbai.
2. Bhimrao Ramji Ambedkar (1987), *Writings and Speeches*, vol.3. Mumbai: *Government of Maharashtra*, Mumbai.
3. Charles H. Heimsath (1964), *Indian Nationalism and Hindu Social Reform*, Oxford University Press.
4. Chittaranjan Senapati và Sukhadeo Thorat (2006), *Reservation Policy in India-Demensions and Issues*, Indian Institute of Dalit Studies.
5. Dhananjay Keer (1990), *Dr. Ambedkar: Life and Mission*, Popular Prakashan, Mumbai.
6. Human Rights Watch (1999), *Broken People: Caste Violence against India’s “Untouchables”*
7. Indian Social Institute (1993), *Social Action*, Vol 43, New Delhi.
8. Shyama Nand Singh (1996), *Reservation Policy for Backward Classes*, Rawat Publication, Jaipur.

Bài nghiên cứu

1. Christopher Jaffrelot (2009), “Dr. Ambedkar’s Strategies against Untouchability and the Caste System”, *Indian Institute of Dalit Studies*, Vol 3.
2. Henry Newton Malony (1998), “The Psychology of Religious Conversion”, *International Coalition for Religious Freedom Conference on “Religious Freedom and the New Millenium”* Tokyo, Japan, May 23-25.
3. National Campaign on Dalit Human Rights (2008). “To the Joint 2th to 5th Periodic Report of the State Party (Republic of India): To the Committee on Economic, Social and Cultural Rights”, *Alternate Report*.
4. Reju George Mathew, “Ambedkar and Conversion to Christinity”, *Barnolipi - An Interdisciplinary Journal*, Vol 2.
5. Sebastian Sanne (2003), “British Colonialism in India and Its Influence on Indian Society”, *Revised Internet Edition*.
6. Violette Graff (2013), “Hindu-Muslim Communal Riots in India II (1986-2011)”, *Online Encyclopedia of Mass Violence*.

Abstract**“DALIT” AND CONVERSION MOVEMENT IN INDIA
IN THE 19th AND 20th CENTURIES
(the last part)**

In the first part of this research, the author indicated the suffering from the extreme discrimination of million people belonging to “Dalit” caste despite approximately 70 years of the Independence. Therefore, Dalit people had to find the way to escape from this situation. The author mentioned the measures which were chosen by the lower caste communities in India in the 19th and 20th centuries in order to abandon Hinduism and convert to the other religions. This movement was also called “conversion movement” of the lower caste people.

In the second part of this research, the author mentioned the abandonment of Hinduism of the lower caste communities and conversion to the other religions such as Buddhism, Christianity, Islam. This article also indicated the “typical conversion movements” and the positive and negative impacts towards the “Dalit” caste after converting.

Keywords: Buddhism, Christianity, conversion, Dalit, Hinduism, India, Islam.